

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 10- 2020

“V/v TrB chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hoàng Minh Tuấn
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1/ Ông Nguyễn Văn An  
2/ Bà Bùi Thị Bích Liên

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 “ V/v trB chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Th. L, sinh năm 1965 (vắng mặt)

***HKTT:*** Thôn LX3, xã TH1, huyện Y2, tỉnh Vĩnh Phúc

***Địa chỉ:*** Cộng hòa Liên bang Đức.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th. L là:*** Bà Lê Thị Thu Hiền, sinh năm 1982 – Là luật sư của Văn phòng luật sư Vĩnh Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

***Địa chỉ:*** Số nhà 35, đường Lương Văn Can, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Nguyễn Duy Th), sinh năm 1962 (có mặt)

***Địa chỉ:*** Thôn LX3, xã TH1, huyện Y2, tỉnh Vĩnh Phúc.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 03/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Th. L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Duy Th kết hôn với nhau ngày 04/12/1982 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH1, huyện Y2. Năm 2008, bà đi lao động ở nước ngoài, hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức, bà thường xuyên gửi tiền về để chi tiêu sinh hoạt, nuôi con và tạo lập kinh tế gia đình, nhưng giữa bà và ông Th phát ít liên lạc với nhau, tình cảm xa cách, nhiều năm gần đây cả hai không liên lạc gì. Bà và ông Th sống ly thân với nhau từ năm 2008 cho đến nay, bà Th. L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn. Vì lý do công việc và hiện tại đang ở Cộng hòa Liên bang Đức nên không thể có mặt theo yêu cầu của Tòa án được, bà có đơn xin giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Duy Th trình bày:* Ông thừa nhận bà Th. L trình bày về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng và thời điểm ly thân là đúng. Theo ông Th, bà Th. L đi lao động ở nước ngoài nhưng chưa bao giờ gửi tiền cho ông, việc bà Th. L gửi tiền cho ai ông không biết, nhiều năm nay giữa ông và bà Th. L không liên lạc gì với nhau. Bà Th. L yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý.

Về con chung: Bà Th. L và ông Th có 02 con chung là Nguyễn Kim B (Nguyễn Tuấn B), sinh ngày 14/10/1988 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 18/7/1993. Các con chung đã thành niên và đã kết hôn có cuộc sống gia đình riêng. Ly hôn, bà Th. L và ông Th không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Bà Th. L và ông Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Thu Hiền là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th. L có ý kiến: Bà xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng đã nộp thay bà Th. L, về án phí ly hôn bà Th. L phải chịu, bà Hiền đề nghị đối trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp thay thay cho bà Th. L.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Th. L và ông T (Th), các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài Th. L có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, trB tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Th. L với ông Th là vợ chồng, hiện tại bà Th. L đang làm ăn và sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đức. Bà Th. L có đơn đề nghị ly hôn, do vậy xác định quan hệ trB chấp là “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Xét về yêu cầu của đương sự:

[2]. Về tình cảm: Bà Th. L và ông Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc. Năm 2008, bà Th. L đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, nhiều năm không liên lạc với nhau. Bà Th. L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Ông Th thừa nhận bà Th. L trình bày như trên là đúng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Th. L và ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th. L đối với ông Th là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Bà Th. L và ông Th có 02 con chung là Nguyễn Kim B (Nguyễn Tuấn B), sinh ngày 14/10/1988 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 18/7/1993. Các con chung đã thành niên và đã kết hôn có cuộc sống gia đình riêng. Theo quy định của pháp luật, bố mẹ không phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con đã thành niên lao động tự túc được. Do vậy, bà Th. L và ông Th không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Bà Th. L và ông Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Các vấn đề khác bà Th. L và ông Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thu Hiền là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th. L, có đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Th. L và đã nộp 5.000.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định, số tiền này đã chi phí hết. Bà Hiền tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này và không có yêu cầu gì khác nên cần ghi nhận là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bà Phạm Th. L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, bà Hiền là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Th. L đã nộp thay cho bà Th. L tiền tạm ứng án phí ly hôn, tại phiên tòa bà Hiền tự nguyện trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp vào số tiền 300.000đ án phí bà Th. L phải chịu nên cần ghi nhận là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Cho bà Phạm Th. L được ly hôn ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Nguyễn Duy Th).

2/ Về án phí: Bà Phạm Th. L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Hiền đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004634 ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự ( Để thi hành);
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Minh Tuấn**